

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **680** /BVK-KD
V/v đề nghị báo giá VTYT

Hà Nội, ngày **09** tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh Vật tư y tế.

Bệnh viện K trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Bệnh viện K đang xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư y tế để cung ứng tại nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027. Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp vật tư y tế theo danh mục tại Phụ lục 1 gửi Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 3 và hồ sơ sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục 2 về Bệnh viện K để tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Các đơn vị khi nộp hồ sơ Báo giá đề nghị gửi kèm 01 USB có chứa các tài liệu sau đây:

1. File excel Bảng báo giá (mẫu theo Phụ lục 3).
2. File word Thông tin đơn vị cung ứng bao gồm các nội dung sau: tên công ty, địa chỉ, số điện thoại, fax, email, số tài khoản ngân hàng (đề nghị ghi rõ số tài khoản, tên ngân hàng, không ghi tắt), mã ngân hàng, mã số thuế, người đại diện pháp luật, chức vụ, giấy ủy quyền ký hợp đồng với Bệnh viện K (trường hợp được ủy quyền).

Hồ sơ báo giá của Quý đơn vị đề nghị gửi về Bệnh viện K (địa chỉ: Số 30, Cầu Bươu, Thanh Liệt, Hà Nội) trước ~~17h~~ ngày **20**./03/2026 (trong giờ hành chính).

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Ds Vũ Thị Trang (0879.164.999).

Trân trọng cảm ơn./ **K**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT Bệnh viện K;
- Lưu: VT, KD **VT**

GIÁM ĐỐC **H**



Lê Văn Quảng

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 687 /BVK-KD ngày 09/3/2026 của Bệnh viện K)

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
1	Gel bôi ngoài da phục hồi da bao gồm: - Aqua, Octyldodecanol, Cetearyl Ethylhexanoate, Ceteareth-25, Triethanolamine, Carbomer, Propylene Glycol, Aesculus Hippocastanum Seed Extract, Symphytum Officinale Root Extract, Hippophae Rhamnoides Fruit Extract, Macadamia Ternifolia Seed Oil, Sodium Hyaluronate, Panthenol, Tocopheryl Acetate, Hydrolyzed Elastin, Phenoxylethanol, Ethylhexylglycerin	Akutol Plantagel Home Plus	Aveflor, a.s.	Cộng hòa Séc	Tuýp
2	Băng ghim khâu nối 6 hàng ghim, mỗi bên 3 hàng ghim, ghim đóng dạng 3D. Chiều cao ghim đóng điều chỉnh được trên thân dụng cụ với các mức 1.5 - 1.8 - 2.0mm. Chiều dài đường cắt 75mm (± 5 mm). Độ dài đường ghim khâu 75mm (± 7 mm).	Băng ghim của Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở Ethicon Endo-Surgery	Nypro Healthcare Baja Inc,	Mexico	Cái
3	- Chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm - Chiều dài băng ghim 30 mm - Chất liệu: Titanium	Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim	Covidien	Mỹ	Cái
4	Băng ghim nội soi 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Chiều dài băng ghim 45 mm.	Băng ghim nội soi Tri- Staple cắt mô loại 45mm	Covidien	Mỹ	Cái
5	Băng ghim nội soi 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Chiều dài băng ghim 60 mm.	Băng ghim nội soi Tri- Staple cắt mô loại 60mm	Covidien	Mỹ	Cái
6	Băng ghim nội soi 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm. Chiều dài băng ghim 45 mm.	Băng ghim nội soi Tri- Staple mạch máu loại 45mm	Covidien	Mỹ	Cái
7	A.BÌNH LÂM ẤM - Thể tích 280ml - Trở kháng dòng ở 60 L/phút: 0.52 cmH2O - Áp lực vận hành tối đa: 8 kPa - Có phao kép B.DÂY THỜ - Dây thở gia nhiệt 2 lớp với lớp gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở xoắn xen kẽ lớp cách nhiệt với môi trường bên ngoài (2 vòng xoắn kép) - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở - Có kẹp giúp cố định dây thở - Tốc độ dòng: 2 - 60 L/phút - Nhiệt độ 31, 34 và 37°C - Chiều dài: 1.8m - Không chứa cao su tự nhiên hay phtalates (DEHP, DBP, BBP) - Kết nối chuẩn với máy thở dòng cao Airvo 2 (F&P)"	Bộ bình lâm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt độ	Fisher & Paykel Healthcare Ltd	NEW ZEALAND	Bộ

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
8	Bộ chứa dịch giảm đau, bao gồm: - 01 Hộp nhựa có màu (tránh ánh sáng), có vách ngăn, cung cấp tối thiểu các loại có các dung tích 100ml, 150ml, 200ml, 300ml. - 01 Miếng chèn kẹp, 01 kẹp, lò xo nén kẹp chống rò rỉ dịch. - 01 Khóa đóng mở dòng chảy - 01 Dây truyền dịch chiều dài $\geq 100\text{cm}$ có bộ phận lọc không khí, van chống chảy ngược.	Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần	Medsure Medical Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	Bộ
9	Bộ dẫn lưu chất liệu 100% silicon màu trong suốt được tiệt trùng kép gồm: - 01 túi bình chứa dung tích 150ml có 01 cổng xả dịch - 01 cổng dẫn lưu chứa van một chiều chống trào ngược, trên thành bình có vách chia thể tích - 01 túi dây dẫn lưu các cỡ (dây đơn, dây đôi) dài 900 mm - 1100mm kèm Trocar dài 15cm chất liệu thép không gỉ; có vạch cân quang trên thành ống	Bộ dẫn lưu Silicon quả bóp kèm Trocar các cỡ	Fortune	Đài Loan	Bộ
10	Bộ dẫn lưu thận qua da: + Kích cỡ: 6Fr, 7Fr, 8Fr, 9Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr + Ống thông PIGTAIL chất liệu Polyurethane, có khoá dài 40cm, que đẩy. + Kim chọc 1,3mm (18G). + Dây dẫn đường đầu hình chữ J dài 80cm, lõi cố định, làm bằng thép không gỉ, kích thước: 0,038". + Bộ nong dài 20cm, chất liệu bằng nhựa ABS + Đầu nối túi nước tiểu	Bộ dẫn lưu thận qua da	Marflow AG	Thụy Sĩ	Cái
11	- Đầu cuối có cân quang, có có móc chữ C, có vạch đánh dấu hình chữ V - Chiều dài làm việc 1900mm, tương thích dây guidewire 0.035", tương thích với các loại stent: 7Fr/ 8.5Fr/ 10Fr/ 12Fr	Bộ đẩy stent	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
12	Bộ gây tê ngoài màng cứng, bao gồm: - Kim đầu cong G18 dài 3 1/4" - Có bơm giảm kháng lực - Catheter bằng polyamid, trong suốt, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm, 3 lỗ thoát thuốc. - Đầu nối catheter dạng nắp bật. - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron, có miếng dán cố định lọc. - Có đầy đủ bơm và kim tiêm thuốc: 1 bơm tiêm test sức cản, 1 bơm tiêm 3 ml, 1 bơm tiêm 20ml - Kim tiêm thuốc vô trùng : 1 kim 21G 0.8*40 mm, 1 kim 18G 1.2*40mm, 1 kim 25G 0.5*16mm	Bộ gây tê ngoài màng cứng PERIFIX 421 COMPLETE SET	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	Bộ

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
13	Bộ gây tê ngoài màng cứng, bao gồm: - Kim đầu cong G18 dài 3 1/4". - Có bơm giảm kháng lực - Catheter bằng polyamid và polyurethan, thiết kế đầu catheter thuận nhỏ dần, có đường cân quang ngầm, 6 lỗ thoát thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật. - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron, giúp tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. - Có đầy đủ bơm và kim tiêm thuốc: 1 bơm tiêm test sức cân, 1 bơm tiêm 3 ml, 1 bơm tiêm 20ml. - Kim tiêm thuốc vô trùng: 1 kim 21G 0.8*40 mm, 1 kim 18G 1.2*40mm, 1 kim 25G 0.5*16mm.	Bộ gây tê ngoài màng cứng PERIFIX ONE 421 COMPLETE SET	B. Braun Melsungen AG	Đức	Bộ
14	- Cannula (gọng mũi) bất đối xứng dùng cho thở HFNC (dùng cho máy HFNC AIRVO2) - Tốc độ dòng: size S 10-50 l/phút, size M và size L 10-60 l/phút. - Thiết kế đường kính gọng mũi kích thước khác nhau - Thành dây cannula có vật liệu bán thấm - Có kẹp cố định, có dây đeo qua cổ - Vật liệu chính: Thermoplastic elastomers, polyethylene (PE), polypropylene (PP), acetal, polyester elastomer, ABS, nylon - Không chứa cao su tự nhiên hay phthalates (DEHP, DBP, BBP) - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo2 (F&P)	Bộ kết nối trực tiếp mở khí quản	Fisher & Paykel Healthcare Ltd	NEW ZEALAND	Cái
15	- Kích thước: 300ml (L) - Tốc độ dòng liên tục: 2ml/h - Chất liệu bóng chứa trong bình: Silicone HR-28U (80%) và Silicone BASE 30U (20%) - Áp suất trong bình: 6-9 PSI - Kích thước lỗ lọc hạt: 2 màng lọc 150µm và 15µm - Kích thước lỗ lọc khí: 1.2 µm - Vỏ ngăn tia cực tím: 380nm, chặn UV-B, UV-C, và hầu hết UV-A - Nắp đậy kết nối có màng hydrophobic lỗ lọc 0.2µm	Bơm truyền dịch tự động sử dụng một lần - Accufuser	Woo Young Medical Co., Ltd.	Hàn Quốc	Cái
16	- Kích thước: 300ml (L) - Tốc độ dòng liên tục: 5ml/h - Chất liệu bóng chứa trong bình: Silicone HR-28U (80%) và Silicone BASE 30U (20%) - Áp suất trong bình: 6-9 PSI - Kích thước lỗ lọc hạt: 2 màng lọc 150µm và 15µm - Kích thước lỗ lọc khí: 1.2 µm - Vỏ ngăn tia cực tím: 380nm, chặn UV-B, UV-C, và hầu hết UV-A - Nắp đậy kết nối có màng hydrophobic lỗ lọc 0.2µm	Bơm truyền dịch tự động sử dụng một lần - Accufuser	Woo Young Medical Co., Ltd.	Hàn Quốc	Cái

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
17	Bơm truyền giảm đau: + Chất liệu Silicone y tế, vỏ ngoài làm từ nhựa PVC y tế Không có latex và DEHP, không có chất gây sốt. + Thể tích bolus PCA: 0,5ml, 1,0ml + Thời gian khóa PCA: 15 phút, 30 phút + Nút điều chỉnh tốc độ dòng cơ bản tương ứng bước nhảy 1ml, 2ml. Lượng dịch truyền tối đa yêu cầu đạt > 95% + Thể tích: 50ml, 60ml, 100ml, 120ml, 150ml, 200ml, 240ml, 250ml, 275ml	Bơm truyền giảm đau PCA dùng 1 lần Thể tích : 60/100/150/200/275 ml Disposable Infusion Pump	Nanchang Biotek Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ
18	- Chất liệu: cao su. - Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương.	Bóng dùng cho ống nội soi siêu âm	Olympus Medical Systems Corp. Hinode Plant; Shirakawa Olympus Co.,Ltd	Nhật Bản	Cái
19	- Bóng kéo sợi chất liệu cao su dày - Đường kính bơm bóng 8.5-11.5-15mm hay 15-18-20mm - Tương thích dây dẫn đường - Phù hợp kênh làm việc đường kính 2.8mm hoặc 3.2mm - Chiều dài làm việc 1900mm hoặc 1950mm - Đường kính đầu cuối 5.5Fr. - Có vạch đánh dấu hình chữ V, có móc hình chữ C.	Bóng kéo sợi 3 kênh	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
20	- Kênh làm việc tối thiểu: 2.2mm hoặc 2.8mm - Chiều dài làm việc: 1950mm - Đường kính đầu tip: 2.5 Fr/3.5Fr/4 Fr/4.5 Fr/6 Fr - Tương thích dây dẫn hướng: 0.035"/0.025" - Hình dạng đầu tip: đầu thuôn ngắn, đầu thuôn dài, tiêu chuẩn, dạng thuôn, dạng tròn, đầu hình cầu	Cannula đường mật hệ V	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
21	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamide 6, số 3/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 24mm.	Chỉ Dafilon blue 3/0 75cm DS24	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi
22	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ Polydioxanone có kháng khuẩn Triclosan, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, số 4/0, chiều dài ≥ 30cm.D16 - Kim: 1 kim tròn đầu tròn, dài 17mm, 1/2 vòng tròn	Chỉ khâu phẫu thuật không thắt nút, neo xoắn ốc STRATAFIX SPIRAL PDS PLUS	Ethicon, LLC	Mỹ	Sợi
23	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone, số 4/0, dài 70cm. - 1 kim tròn đầu hình thoi, 1/2 vòng tròn, dài 20mm.	Chỉ khâu phẫu thuật tiết trùng PDS II đơn sợi tự tiêu	Ethicon, Inc.	Mexico	Sợi

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
24	- Chỉ: + Thành phần Polypropylene + Polyethylenglycol. + Chiều dài 90cm + Số 4/0 (USP) - Kim: + 2 kim kim tròn, đầu nhọn, 1/2C, kim phủ silicon + Chất liệu: hợp kim chứa Chrome, Nickel,... + Chiều dài 22mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 4/0	Covidien	Dominica	Sợi
25	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 5/0, dài 75cm. - 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2 vòng tròn, dài 13mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 5/0 (VP-710-X)	Covidien	Dominica	Sợi
26	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 6/0, dài 60cm. - 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2 vòng tròn, dài 10mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6/0 (VP-754-X)	Covidien	Dominica	Sợi
27	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Glyconate, số 3/0, dài 70cm - Kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 22mm - Tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày.	Chỉ Monosyn violet 3/0 70cm HR22	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi
28	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Glyconate, số 4/0, dài 70cm - Kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 22mm - Tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày.	Chỉ Monosyn violet 4/0 70cm HR22	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi
29	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, vỏ bọc sợi chỉ Polyglactin 370 + Canxi stearate, số 1/0, dài 90cm. - Kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 40mm.	Chỉ Novosyn violet 1 90cm HR40s	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi
30	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, vỏ bọc sợi chỉ Polyglactin 370 + Canxi stearate, số 2/0, dài 70cm - Kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 26mm	Chỉ Novosyn violet 2/0 70cm HR26	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi
31	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, vỏ bọc sợi chỉ Polyglactin 370 + Canxi stearate, số 3/0, dài 70cm. - Kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 26 mm.	Chỉ Novosyn violet 3/0 70cm HR26	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi
32	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene, số 4/0, chỉ dài 90cm. - 2 kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 17mm.	Chỉ Optilene 4/0 90cm 2xHR17	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
33	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, chỉ dài 75cm. - 2 kim tròn 3/8 vòng tròn, dài 13mm.	Chi Optilene 5/0 75cm 2xDR13	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi
34	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, chỉ dài 90cm. - 2 kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 17mm.	Chi Optilene 5/0 90cm 2xHR17	B/Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Sợi
35	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone, số 3/0, dài 70cm. - 1 kim tròn đầu hình thoi, 1/2 vòng tròn, dài 26mm.	Chỉ phẫu thuật PDS II số 3/0 W9124H	Ethicon, Inc.	Mexico	Sợi
36	- Chỉ không tiêu, đơn sợi, tổng hợp: + Thành phần: Polypropylene + Chiều dài 75cm + Cỡ chỉ (USP): 2/0 - Kim: + 2 kim thẳng. + Chất liệu: hợp kim chứa Chromium, Niken,.... + Chiều dài 70mm.	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 2/0, dài 75cm	Ethicon, Inc.	Mỹ	Tép
37	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ Polydioxanone có kháng khuẩn Triclosan, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, số 3/0, chiều dài ≥ 70cm. - Kim: 1 kim tròn đầu tròn, dài 26mm, 1/2 vòng tròn	Chỉ phẫu thuật STRATAFIX SPIRAL PDS Plus kháng khuẩn số 3/0 SXPP1B421	Ethicon, LLC	Mỹ	Sợi
38	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ Polydioxanone có kháng khuẩn Triclosan, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, số 2/0, chiều dài ≥ 30cm - Kim: 1 kim tròn đầu tròn, dài 36mm, 1/2 vòng tròn	Chỉ phẫu thuật STRATAFIX SPIRAL PDS PLUS số 2/0 SXPP1B410	Ethicon, LLC	Mỹ	Sợi
39	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 2/0, dài 75cm. - 2 kim thẳng bằng hợp kim, dài 70mm.	Chỉ phẫu thuật tiết trùng PROLENE đơn sợi không tiêu	Ethicon, LLC	Mỹ	Sợi
40	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 2/0, dài 75cm. - 2 kim thẳng bằng hợp kim, dài 70mm.	Chỉ phẫu thuật tiết trùng PROLENE đơn sợi không tiêu	Ethicon, LLC	Mỹ	Sợi
41	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 2/0, dài 75cm. - 2 kim thẳng bằng hợp kim, dài 70mm.	Chỉ phẫu thuật tiết trùng PROLENE đơn sợi không tiêu	Ethicon, LLC	Mỹ	Sợi
42	Chỉ phẫu thuật: - Chỉ Polypropylene, số 4/0, chiều dài ≥ 75cm - Kim + Chất liệu: hợp kim thép (có chứa tối thiểu Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) + 2 kim tròn đầu tròn, dài 22mm, 3/8 vòng tròn	Chỉ phẫu thuật tiết trùng PROLENE đơn sợi không tiêu số 4/0	Ethicon, LLC	Mỹ	Sợi

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
43	- Chi: + Thành phần: Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan + Chiều dài 90cm + Số 1 - Kim: + Kim tròn đầu tròn taper, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, 1/2C có phủ silicon + Chất liệu: hợp kim chứa Chromium,Niken,.... + Chiều dài 40mm	Chi phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Irgacare MP số 1	Ethicon, Inc.	Mỹ	Tép
44	- Chi: + Thành phần: Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan + Chiều dài 70cm + Số 2/0 (USP) - Kim: + Kim tròn đầu tròn taper, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, 1/2C có phủ silicon + Chất liệu: hợp kim chứa Chromium,Niken,.... + Chiều dài 26mm	Chi phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Irgacare MP số 2/0	Ethicon, Inc.	Mỹ	Tép
45	- Chi: + Thành phần: Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan + Chiều dài 70cm + Số 3/0 (USP) - Kim: + Kim tròn đầu tròn taper, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, 1/2C có phủ silicon + Chất liệu: hợp kim chứa Chromium,Niken,.... + Chiều dài 26mm	Chi phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Irgacare MP số 3/0	Ethicon, Inc.	Mỹ	Tép
46	- Chi: + Thành phần: Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan + Chiều dài 45cm + Số 6/0 (USP) - Kim: + Kim tam giác ngược, 3/8C có phủ silicon + Chất liệu: hợp kim chứa Chromium,Niken,.... + Chiều dài 11mm	Chi phẫu thuật VICRYL RAPIDE số 6/0	Johnson & Johnson do Brasil Indústria e Comércio de Produtos para Saúde Ltda.	Brazil	Tép

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
47	- Clip cầm máu dùng một lần có đường kính mở 16mm, xoay 2 chiều với độ mở 135 độ; Sau khi bắn ra, clip có độ dài stem tương ứng là 13.3mm - Chiều dài các cỡ 1650mm, 1950mm, 2300mm. - Đường kính ngoài của ống tube tối đa 2.6mm. - Kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. - Tay cầm chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene	Clip cầm máu hai chiều	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd	Trung Quốc	Cái
48	- Tương thích kênh làm việc tối thiểu 2.8mm - Chiều dài làm việc 1700mm - Đường kính đầu cuối 4.0 hoặc 4.5 Fr - Chiều dài phần đầu cuối 7mm - Chiều dài dao cắt 20mm, 25mm hoặc 30mm - Tương thích với dây guidewire 0.025" hoặc 0.035" - Dao hình vòng cung, có móc chữ C	Dao cắt cơ vòng, loại V	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
49	- Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc 1650mm hoặc 2300mm - Chiều dài dao 4mm hoặc 3.5mm, đường kính đầu cuối cách điện 2.2mm hoặc 1.7mm	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
50	Dao cắt hút niêm mạc với đầu được bọc sứ có tính năng cách điện sử dụng đánh dấu điểm, cắt hút, tiêm phồng và cầm máu: + Chất liệu đầu tip bằng vàng. + Chiều dài dao 4mm, đường kính đầu tip 1.7mm + Chiều dài làm việc 1950mm, 2350mm. + Tương thích với đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện IT	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd	Trung Quốc	Cái
51	Dao cắt hút niêm mạc hình núm sử dụng đánh dấu điểm, cắt hút, tiêm phồng và cầm máu: + Chất liệu đầu tip bằng vàng + Chiều dài dao 1.5mm - 2mm - 4mm + Chiều dài làm việc 1950mm, 2350mm + Tương thích với đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm + Đường kính đầu tip 0.85mm, đường kính dao cắt 0.52mm	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núm	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd	Trung Quốc	Cái
52	- Đầu dao hình núm đường kính 0.3mm - Chiều cao của núm khi thu ngắn lại chỉ còn 0.1mm - Có kênh tưới rửa, đường kính kênh dụng cụ 2.8mm, chiều dài làm việc 1650mm, 1950mm hoặc 2300mm, chiều dài dao cắt 1.5mm hoặc 2.0mm.	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núm có tưới rửa	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
53	Ống thông niệu quản bao gồm: 1 Sonde JJ + 1 kẹp + 1 que đẩy + chỉ. - Chất liệu: Polyurethane - Cỡ: 4-8FR - Chiều dài ≥ 15cm - Thời gian lưu ≥ 12 tháng	Double J stent Longteam	Devon Innovations Private Limited	Cộng hoà Ấn Độ	Cái

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
54	Kích thước: dài trục 6 - 6cm - Thiết kế gấp góc 45 độ mỗi bên với 5 điểm gấp góc mỗi bên và một điểm ở giữa, xoay bằng đạn 360 độ	Dụng cụ cắt khâu nối tự động dùng trong phẫu thuật nội soi Endo GIA Ultra Universal các cỡ	Covidien	Mỹ	Cái
55	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, bao gồm: + Tổng 6 hàng ghim, mỗi bên 03 hàng ghim, ghim đóng ở dạng 3D + Chiều cao ghim đóng điều chỉnh được trên thân súng với các mức 1.5 - 1.8 - 2.0mm + Chiều dài đường cắt 75mm ± 5mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ Ethicon Endo-Surgery	Nypro Healthcare Baja Inc,	Mexico	Cái
56	+ Hồ đe hình thang + Đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gấp góc mỗi bên 3 điểm, tối đa 45 độ, góc hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao nằm trong dao có hình chữ C + Độ mở hàm 22mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc ECHELON FLEX Powered Plus	Nypro Healthcare Baja Inc.	Mexico	Cái
57	- Thắt chân polype gắn liền cán - Chiều dài làm việc 2300mm, kênh làm việc 2.8mm, đường kính vòng thắt 30mm	Dụng cụ thắt polyp dùng 1 lần	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
58	Thành phần: Berberin hydroclorid; Nano bạc; Thymol; Dung môi, phụ liệu và nước tinh khiết vừa đủ 300ml	Dung dịch rửa vết thương Berbemed (300ml)	Trung tâm nghiên cứu và kinh doanh dược- Trường Cao Đẳng Dược Trung Ương Hải Dương	Việt Nam	Chai
59	Keo cầm máu bao gồm các hạt gelatin từ bò và thrombin từ người	Floseal® Hemostatic Matrix	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Bộ
60	Thành phần: Nước, Glycerol, Imidazolidinyl ure, Arabinogalactan, Kẽm citrate, Lactic acid, Citric acid, Muối natri của Hyaluronic acid, Polyme acrylic liên kết chéo(polycarbophil), Natri hydrat	Gel xịt âm đạo - Iside HPV Spray	Innate S.R.L.	Italy	Hộp
61	Gel bôi ngoài da: Thành phần: Copolymer of 2-hydroxyethylmethacrylate 10%; Macrogl 300: 46%; Nước tinh khiết: 44%	HEALIT	VH Pharma a.s.	Cộng hòa Séc	Tuýp
62	- Chiều dài làm việc 1650mm - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm - Độ mở ngàm 5mm, tính năng xoay được - Đầu thuôn nhọn và kết cấu chống trượt	Kẹp cầm máu nóng	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
63	Kim kẹp cầm máu nóng: + Tay cầm 3-ring có thể xoay 360°, tay cầm Ergonomic với lớp lót giúp cải thiện độ bám, có điểm đánh dấu trên vỏ kim giúp xác định chiều dài chèn trong ống nội soi. + Kim: ngàm có rãnh hoặc ngàm thon, độ mở ngàm 6.3mm hoặc 6.5mm + Chiều dài làm việc 165cm hoặc 230cm	Kẹp cầm máu nóng	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd	Trung Quốc	Cái
64	- Các góc vát kim khác nhau, lòng kênh rộng - Chiều dài làm việc 1650mm hoặc 2300mm, tương thích với ống soi có đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm, chiều dài kim 4mm, cỡ kim 23G.	Kim chích cầm máu dùng 1 lần, 23G/4mm	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái

xy

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
65	- Đầu kim 3 góc vát - Lumen lưu lượng cao - Vỏ bọc ống đàn hồi - Chiều dài làm việc 2300mm - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm - Chiều dài kim 4mm - Cờ kim 23G.	Kim chích cầm máu dùng 1 lần, 23G/4mm	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
66	- Chiều dài vỏ ngoài điều chỉnh được, đầu vỏ ngoài tròn - Kim làm bằng nitinol, mũi kim mài theo dạng "Menghini" - Chiều dài kim 80mm, điều chỉnh được nhờ nút chặn an toàn - Đầu kim có lỗ hõm - Đầu kim làm bằng Nitinol - Vỏ bọc nhiều lớp - Đầu tròn - Chiều dài làm việc: 1400mm - Đường kính kim: 19G/22G - Chiều dài tối đa của kim: 80mm - Tương thích với ống soi siêu âm	Kim chọc hút siêu âm	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
67	Chiều dài tổng thể: 240.6mm; Ống thông: Chiều dài: 100.5mm, Đường kính ngoài: 2.07mm; Nút số 1: độ sâu 22.6mm; Nút số 2: chiều dài: 11mm, đường kính ngoài: 8mm	Kim đánh dấu u vú sinh thiết kim lõi cỡ nhỏ	Medical Park Co.,Ltd.	Hàn Quốc	Cái
68	Kim dùng cho buồng tiêm truyền: - Kim Huber kích cỡ đường kính 0,7mm hoặc 0,9 mm. - Chiều dài 20mm-25mm, gắn với bộ mở rộng. - Chiều dài từ trung tâm đến các khóa luer lock $\geq$ 18 cm. - Có 2 khóa tạo áp lực dương.	Kim dùng cho buồng tiêm truyền Huber Needle with extension set	ISO Med	Pháp	Cái
69	Kim chọc hút siêu âm: + Kích cỡ kim 22G, 25G đầu kim bằng chất liệu cobalt chromium + Kích cỡ kim 19G đầu kim 19G được làm bằng chất liệu Nitinol + Cán dụng cụ được làm bằng chất liệu ergonomically. + Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.4mm hoặc 2.8mm + Đường kính vỏ ống: 1.52mm, 1.65mm, 1.73mm, 1.83mm + Chiều dài kim tùy chỉnh 0cm-8cm; + Chiều dài làm việc có thể điều chỉnh 137.5cm - 141.5cm + Kèm syringe 20cc và khóa một chiều. Tiêu chuẩn ISO 13485, EC, FDA.	Kim siêu âm FNA	Boston Scientific Corporation	Hoa Kỳ	Cái

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
70	Kim chọc hút siêu âm: + Kích cỡ kim: 22G, 25G. Đầu kim bằng chất liệu hợp kim cobalt chromium + Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.4mm hoặc 2.8mm + Đường kính vỏ ống nhiều loại: 1.52mm hoặc 1.65mm + Chiều dài kim tùy chỉnh nằm trong khoảng 0cm-8cm + Chiều dài làm việc có thể điều chỉnh + Kèm syringe 20cc và khóa một chiều.	Kim siêu âm FNB	Boston Scientific Corporation	Hoa Kỳ	Cái
71	Kim sinh thiết bán tự động mô mềm có kim dẫn đường. Sử dụng sinh thiết dưới hướng dẫn CT và siêu âm: + Đường kính 14G, 16G, 18G, 20G + Chiều dài 90mm, 130mm, 160mm, 220mm + Có 2 nấc cho chức năng lấy mẫu 11mm và 22mm, có khóa chốt an toàn.	Kim sinh thiết mô mềm Starcut có kim dẫn đường, các cỡ	TSK Laboratory	Nhật Bản	Cái
72	Kim sinh thiết tự động mô mềm kèm kim dẫn đường: + Đường kính 11G, 14G, 16G, 18G, 20G + Chiều dài 75mm, 115mm, 150mm, 200mm, có khóa an toàn. Thân kim có vạch chia (1cm/ vạch). 3 độ sâu thâm nhập: 11mm, 16mm, 22mm. + Sử dụng sinh thiết dưới hướng dẫn CT và siêu âm. Xuất xứ: G7	Kim sinh thiết mô mềm tự động ACECUT	TSK Laboratory	Nhật Bản	Cái
73	+ Kích cỡ: Kim đường kính 20G + Chiều dài từ 30 mm, 70mm, 100mm, móc đơn hình chữ V, thân kim có vạch chia (1cm/ vạch). + Xuất xứ: G7	Kim sinh thiết vú (kim sinh thiết định vụ u vú) hoặc kim sinh thiết lõi	TSK Laboratory	Nhật Bản	Cái
74	Kim tiêm cầm máu có tay cầm bằng nhựa: - Chốt hãm dạng nút bấm, có thể khóa mở bằng một tay - Đầu kim vát 3 cạnh, đường kính kim 22G, 25G - Độ nhô tip 4mm được làm bằng kim loại - Chất liệu ống trong catheter làm bằng polyoxymethylene (POM), đường kính ống catheter 2.3mm, chiều dài làm việc 230cm, kênh làm việc 2.8mm	Kim tiêm cầm máu	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd	Trung Quốc	Cái
75	Loop thắt chân polyp liền tay cầm: - Độ mở 30mm, 40mm - Chiều dài làm việc: 1650 - 1950 - 2300mm	Lọng thắt chân polyp kèm tay cầm	Leo Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Cái
76	Mặt nạ cố định đầu cổ: - Chất liệu: Polycaprolactone (PCL) - Khung mặt nạ được làm bằng Acrylonitrin Butadien Styrene (ABS) - Độ dày: $\geq 3,2$mm - Tỷ lệ đục lỗ: 42% - Kích thước: 255mm x 217mm	Mặt nạ cố định đầu cổ	Klarity Medical & Equipment (GZ) Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái

25/

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
77	Mặt nạ cố định đầu cổ vai: - Chất liệu: Polycaprolactone (PCL) - Khung mặt nạ được làm bằng Acrylonitrin Butadien Styrene (ABS) - Độ dày: $\geq 2,4\text{mm}$ - Tỷ lệ đục lỗ: 22%; - Kích thước: 470mm x 452mm	Mặt nạ cố định đầu cổ vai	Klarity Medical & Equipment (GZ) Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái
78	Mặt nạ cố định khung chậu: - Chất liệu: Polycaprolactone (PCL) - Khung mặt nạ được làm bằng Acrylonitrin Butadien Styrene (ABS) - Độ dày: $\geq 3,2\text{mm}$ - Tỷ lệ đục lỗ: 42% - Kích thước: 463mm x 480mm	Mặt nạ cố định khung chậu	Klarity Medical & Equipment (GZ) Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái
79	Mặt nạ cố định ngực: - Chất liệu: Polycaprolactone (PCL) - Khung mặt nạ được làm bằng Acrylonitrin Butadien Styrene (ABS) - Độ dày: $\geq 3,2\text{mm}$ - Tỷ lệ đục lỗ: 42% - Kích thước: 334mm x 227mm	Mặt nạ cố định ngực	Klarity Medical & Equipment (GZ) Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái
80	Gạc kháng khuẩn: - Thành phần: Nano Bạc - Hàm lượng: (0.008-0.030)mg/cm ² - Kích thước: 10x15cm	Nano silver burn dressing 10cmx15cm	Anson Nano-Biotechnology (Zhuhai) Co., Ltd	Trung Quốc	Miếng
81	Gạc kháng khuẩn: - Thành phần: Nano Bạc - Hàm lượng: (0.008-0.030)mg/cm ² - Kích thước: 35x40cm	Nano silver burn dressing 35cmx40cm	Anson Nano-Biotechnology (Zhuhai) Co., Ltd	Trung Quốc	Miếng
82	Gạc kháng khuẩn: - Thành phần: Nano Bạc - Hàm lượng: (0.008-0.030)mg/cm ² - Kích thước 5.5x7.5cm	Nano silver wound dressing 5.5x7.5cm	Anson Nano-Biotechnology (Zhuhai) Co., Ltd	Trung Quốc	Miếng
83	Gạc kháng khuẩn: - Thành phần: Nano Bạc - Hàm lượng: (0.008-0.030)mg/cm ² - Kích thước 9x15cm	Nano silver wound dressing 9x15cm	Anson Nano-Biotechnology (Zhuhai) Co., Ltd	Trung Quốc	Miếng
84	Gạc kháng khuẩn: - Thành phần: Nano Bạc - Hàm lượng: (0.008-0.030)mg/cm ² - Kích thước 9x25cm	Nano silver wound dressing 9x25cm	Anson Nano-Biotechnology (Zhuhai) Co., Ltd	Trung Quốc	Miếng
85	- Thành phần: Purified water, Sodium bicarbonate, sodium borate, sodium benzoat, nano silver, polyethylene glycol 40 hydrogenated - Dung tích 300ml	Nước súc miệng, họng SMH PRO AG+++	Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	Hộp
86	- Bộ kết nối trực tiếp mở khí quản (dùng cho máy HFNC AIRVO2) - Lưu lượng 10-60 l/ phút. - Có nắp chống bắn dờm ra ngoài. - Cổng kết nối mở khí quản 15 mm. - Thành dây có vật liệu bán thấm - Có dây đeo qua cổ.	Ống thở oxy (cannula) dòng cao qua mũi	Fisher & Paykel Healthcare Ltd	NEW ZEALAND	Cái

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
87	- Chất liệu: Ống thông làm bằng silicone 100% - Đầu tip hình nón - Kích cỡ: 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr. - Chiều dài: 70cm (8Fr; 10Fr); 120cm (12Fr; 14Fr; 16Fr; 18Fr)	Ống thông dạ dày silicone	Pacific Hospital Supply Co., Ltd	Đài Loan	Cái
88	Chất liệu silicone kích thước 24Fr, chiều dài ống dẫn lưu 80mm, 120mm, 170mm tương ứng với có 2, 3, 4 lỗ dẫn lưu trên ống, đầu ống mở. Đầu nối của ống có thể cắt ngắn theo mục đích sử dụng. Ống có tấm cố định. Cấu trúc lòng ống cấu tạo với các lỗ bên và các rãnh, tận dụng tốt hiệu ứng mao dẫn giúp dẫn lưu hiệu quả và tránh tắc nghẽn. Kích thước: 24Fr - 80mm, 24Fr - 120mm, 24Fr - 170mm	Ống thông silicone dẫn lưu hậu môn	DALIAN CREATE MEDICAL PRODUCTS CO., LTD.	Trung Quốc	Cái
89	+ Chất liệu: Polymer trong suốt + Mặt trong phủ lớp Axit Hyaluronic ái nước, độ trơn cao + Vạch hướng dẫn vị trí cắt rõ ràng, sắc nét	Phễu hỗ trợ đặt túi ngực	Kims Med Co., Ltd.	Hàn Quốc	Cái
90	Gel chống dính sau phẫu thuật bao gồm: + Natri Hyaluronat 15mg/ml + Độ nhớt: 30.0 - 55.0 dL/g + Tỷ lệ thẩm thấu: 1.4 - 1.6 + Dung tích 3 ml/ống tiêm	Protad 3ml	UNIMED Pharm Inc.	Hàn Quốc	Hộp
91	Gel chống dính sau phẫu thuật bao gồm: + Natri Hyaluronat 15mg/ml + Độ nhớt: 30.0 - 55.0 dL/g + Tỷ lệ thẩm thấu: 1.4 - 1.6 + Dung tích 5.1 ml/ống tiêm	Protad 5.1ml	UNIMED Pharm Inc.	Hàn Quốc	Hộp
92	- Kênh dụng cụ tối thiểu: 2.8mm - Chiều dài làm việc 1900mm - Đường kính của rọ: 22mm - Có kênh bơm tưới rửa/thuốc cản quang, có móc chữ C, có vạch đánh dấu hình chữ V. - Dây rọ được phủ silicon	Rọ kéo sỏi 4 dây, xoay được	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái
93	Gel chống dính: - Thành phần: Gel natri hyaluronate tiệt trùng chứa sẵn trong bơm tiêm. - Hàm lượng: 10mg/ml x 15ml. - Tự tiêu trong vòng 7 ngày.	Singleclean 15ml	Hangzhou Singclean Medical Products Co ...Ltd	Trung Quốc	Hộp
94	Gel chống dính: - Thành phần: Gel natri hyaluronate tiệt trùng chứa sẵn trong bơm tiêm. - Hàm lượng: 10mg/ml x 2,5ml. - Tự tiêu trong vòng 7 ngày.	Singleclean 2.5ml	Hangzhou Singclean Medical Products Co ...Ltd, China	Trung Quốc	Hộp
95	Gel chống dính: - Thành phần: Gel natri hyaluronate tiệt trùng chứa sẵn trong bơm tiêm. - Hàm lượng: 10mg/ml x 5ml. - Tự tiêu trong vòng 7 ngày.	Singleclean 5ml	Hangzhou Singclean Medical Products Co ...Ltd	Trung Quốc	Hộp

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
96	Gel chống dính: - Thành phần: Gel natri hyaluronate tiết trùng chứa sẵn trong bơm tiêm. - Hàm lượng: 10mg/ml x 5ml. - Tụ tiêu trong vòng 7 ngày.	Singclean 5ml	Hangzhou Singclean Medical Products Co ...Ltd	Trung Quốc	Hộp
97	- Ống mở khí quản 2 nòng có cửa sổ, nòng bên trong làm bằng chất liệu kỵ nước (Hydrophobicity), có tính năng thấm thấu N2O. - Thời gian lưu > 28 ngày.	Sofit C - Mera Sofit (Tracheostomy Tube)	Merasenko Corporation/ Philippin	Philippin	Cái
98	- Ống mở khí quản 2 nòng có cửa sổ, nòng bên trong làm bằng chất liệu kỵ nước (Hydrophobicity), có tính năng thấm thấu N2O. - Thời gian lưu > 28 ngày.	Sofit C - Mera Sofit (Tracheostomy Tube)	Merasenko Corporation/ Philippin	Philippin	Cái
99	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng có 2 lỗ cửa sổ, nòng bên trong làm bằng chất liệu kỵ nước (Hydrophobicity), chất liệu bóng có tính năng thấm thấu N2O, tai ống chất liệu Polyvinyl chloride có thể bẻ gấp, khóa vận nòng trong xoay 2 nấc tránh tuột ống. Độ khít đầu ống 0 độ.	Sofit CF- Mera Sofit (Tracheostomy Tube)	Merasenko Corporation/ Philippin	Philippin	Cái
100	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng có 2 lỗ cửa sổ, nòng bên trong làm bằng chất liệu kỵ nước (Hydrophobicity), chất liệu bóng có tính năng thấm thấu N2O, tai ống chất liệu Polyvinyl chloride có thể bẻ gấp, khóa vận nòng trong xoay 2 nấc tránh tuột ống. Độ khít đầu ống 0 độ.	Sofit CF- Mera Sofit (Tracheostomy Tube)	Merasenko Corporation/ Philippin	Philippin	Cái
101	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng, có 2 lỗ cửa sổ, có ống hút trên bóng - mặt cắt ống hút hình oval, nòng bên trong làm bằng chất liệu kỵ nước (Hydrophobicity), bóng có tính năng thấm thấu N2O, tai ống chất liệu Polyvinyl chloride có thể bẻ gấp, khóa vận nòng trong xoay 2 nấc tránh tuột ống. Độ khít đầu ống 0 độ.	Sofit CFS- Mera Sofit (Tracheostomy Tube)	Merasenko Corporation/ Philippin	Philippin	Cái
102	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng, có ống hút trên bóng - mặt cắt ống hút hình oval, nòng bên trong làm bằng chất liệu kỵ nước (Hydrophobicity), bóng có tính năng thấm thấu N2O, tai ống chất liệu Polyvinyl chloride có thể bẻ gấp, khóa vận nòng trong xoay 2 nấc tránh tuột ống. Độ khít đầu ống 0 độ.	Sofit CS- Mera Sofit (Tracheostomy Tube)	Merasenko Corporation/ Philippin	Philippin	Cái
103	Ống mở khí quản 2 nòng có cửa sổ, nòng bên trong làm bằng chất liệu kỵ nước (Hydrophobicity), có tính năng thấm thấu N2O, tai ống chất liệu Polyvinyl chloride có thể bẻ gấp, khóa vận nòng trong xoay 2 nấc tránh tuột ống.	Sofit F - Mera Sofit (Tracheostomy Tube)	Merasenko Corporation/ Philippin	Philippin	Cái
104	- Ống mở khí quản 2 nòng không bóng, nòng bên trong làm bằng chất liệu kỵ nước (Hydrophobicity), có tính năng thấm thấu N2O. - Thời gian lưu > 28 ngày.	Sofit NC- Mera Sofit (Tracheostomy Tube)	Merasenko Corporation/ Philippin	Philippin	Cái

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
105	Tay dao siêu âm dạng hàm kẹp, Chiều dài cán 36cm, chiều dài hàm dao 15mm, độ mở hàm 10mm. Lưỡi dao bằng hợp kim Titan được bao phủ lớp chống dính. Biên độ dao động tối đa của lưỡi dao 91,2µm. Công nghệ thích ứng mô.	Tay dao siêu âm HARMONIC ACE Laparoscopic Shears + Adaptive Tissue Technology	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II; NPA de Mexico S. de R.L. de C.V.	Mexico	Cái
106	Tay dao siêu âm có công nghệ thích ứng mô: + Đầu dao cong, dài 16mm + Chiều dài cán 9cm. + Nút kích hoạt 240 độ. + Độ mở hàm 10,4mm. + Tương thích với máy Gen11	Tay dao siêu âm HARMONIC FOCUS Long Shears + Adaptive Tissue Technology	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II	Mexico	Cái
107	Tay dao siêu âm có công nghệ thích ứng mô: + Đầu dao cong, dài 16mm + Chiều dài cán 17cm. + Nút kích hoạt 240 độ. + Độ mở hàm 10,4mm. + Tương thích với máy Gen11	Tay dao siêu âm HARMONIC FOCUS Shears + Adaptive Tissue Technology	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II; NPA de Mexico S. de R.L. de C.V.	Mexico	Cái
108	- Thông lọng hình Oval hoặc hình lưỡi liềm, độ mở vòng loop 13mm, 27mm, 30mm - Chiều dài làm việc 240cm - Đường kính 2.4mm tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8 mm . - Vỏ dây dẫn bằng polymer.	Thông lọng cắt polyp Sensation	Boston Scientific Corporation	Costa Rica	Cái
109	- Thông lọng hình Diamond - Tay cầm bằng nhựa, thiết kế 3-ring - Chiều dài làm việc 230cm, độ mở loop từ 10-15mm	Thông lọng lạnh	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd	Trung Quốc	Cái
110	Trocar không dao chống mờ: + Đường kính 5mm, 11mm, 12mm + Chiều dài ≥ 100mm + Van giữ khí gồm 4 mảnh, có khóa giữ camera + Thích hợp với dụng cụ 4,7-12,9mm. Có công nghệ giảm mờ cho camera nội soi.	Trocar không dao chống mờ ENDOPATH XCEL	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II	Mexico	Cái
111	Trocar không dao: + Đường kính 5mm, 11mm, 12mm + Chiều dài ≥ 100mm + Van giữ khí gồm 4 mảnh, có khóa giữ camera	Trocar không dao ENDOPATH XCEL	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II	Mexico	Cái
112	- Gel siêu kết dính nhưng vẫn giữ được sự mềm mại tự nhiên được bơm đầy 100% - Vỏ túi kết cấu gồm nhiều lớp silicone dispersion và 01 lớp Gel giúp giảm thiểu khếch tán gel qua bề mặt vỏ túi, độ dày bề mặt vỏ túi ≥ 0.45mm. - Bề mặt trơn với thông số 1-2µ, trong suốt, hình dạng tròn. - Kích thước các cỡ trong khoảng: + Dung tích từ 100 cc đến 800 cc, đường kính từ 85 mm đến 158 mm, độ nhô từ 28 mm đến 60 mm + Dung tích từ 100 cc đến 500 cc, đường kính từ 79 mm đến 126 mm, độ nhô từ 29 mm đến 58 mm	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt trơn các cỡ	Eurosilicone SAS	Pháp	Cái

Handwritten signature

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
113	- Gel có độ kết dính cao và được phủ đầy 100% - Vỏ túi bằng Silicon siêu liên kết, có lớp rào chắn 360° ngăn khếch tán gel ra ngoài - Khả năng kéo dãn tối đa của lớp vỏ lên đến trên 600% - Bề mặt vỏ túi trơn dục tương thích sinh học cao (độ nhám bề mặt thấp: 5µm) - Túi được tiệt trùng bằng nhiệt độ khô. - Dung tích từ 165 đến 480, đường kính từ 9.2 đến 13.4, độ nhô từ 3.4 đến 4.9. - Dung tích từ 175 đến 550, đường kính từ 8.6 đến 13.4, độ nhô từ 4.2 đến 5.7.	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt trơn mờ các cỡ	Eurosilicone SAS	Pháp	Cái
114	Băng dán: - Thành phần: sợi polyester, spandex và sợi cotton. - Trọng lượng 90 g/m², độ co giãn 200%. - Kích thước: 15cm x 4.5m.	Urgoband 15cm x 4,5m	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	Thailand	Cuộn
115	Băng dán: - Thành phần: sợi polyester, spandex và sợi cotton. - Trọng lượng 90 g/m², độ co giãn 200%. - Kích thước: 7.5cm x 4.5m.	Urgoband 7.5cm x 4,5m	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	Thailand	Cuộn
116	Băng dán: - Thành phần: 100% Viscose. - Keo acrylic phủ đều. Lực dính 0.5-4.0 N/cm. - Kích thước 2.5cm x 5m.	Urgopore 2.5cm x 5m	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	Thailand	Cuộn
117	Vật liệu cầm máu: - Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, dạng bông xốp nhiều lớp có thể tách lớp, đường kính 20µm - 22µm đồng nhất - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu: 7-14 ngày - Kích thước: 2.5x5.1cm	Vật liệu cầm máu tiệt trùng SURGICEL FIBRILLAR	Ethicon, LLC	Mỹ	Miếng
118	Vật liệu cầm máu: - Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, dạng bông xốp nhiều lớp có thể tách lớp, đường kính 20µm - 22µm đồng nhất - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu: 7-14 ngày - Kích thước: 2.5x5.1cm	Vật liệu cầm máu tiệt trùng SURGICEL FIBRILLAR	Ethicon, LLC	Mỹ	Miếng
119	Vật liệu cầm máu: - Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, dạng bông ép, đường kính 20µm - 22µm đồng nhất - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu: 7-14 ngày - Kích thước: 2.5x5.1cm - Dùng trong phẫu thuật nội soi	Vật liệu cầm máu tiệt trùng SURGICEL SNOW tự tiêu	Ethicon, LLC	Mỹ	Miếng

STT	Thành phần/ Thông số kỹ thuật	Tên thương mại (tham khảo)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính
120	Vật liệu cầm máu: - Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, dạng bông ép, đường kính 20µm - 22µm đồng nhất - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu: 7-14 ngày - Kích thước: 2.5x5.1cm - Dùng trong phẫu thuật nội soi	Vật liệu cầm máu tiết trùng SURGICEL SNOW tự tiêu	Ethicon, LLC	Mỹ	Miếng
121	- Lọng thắt polyp hình lục giác, có khả năng cắt nóng hoặc cắt lạnh - Chiều dài làm việc 2300 mm - Độ mở: 10mm hoặc 15 mm - Đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8 mm - Đường kính dây 0.3 mm	Vòng cắt nội soi bằng xung điện sử dụng một lần	Olympus Vietnam Co.,Ltd Aomori Olympus Co., Ltd	Việt Nam/ Nhật Bản	Cái
122	- Thông lọng cắt đốt dạng oval/lưỡi liềm - Kênh làm việc tối thiểu 2.0mm/2.8mm - Chiều dài làm việc 1650mm/2300mm - Đường kính loop 25mm - Độ dày dây lọng: 0.3mm/0.47mm	Vòng cắt nội soi bằng xung điện sử dụng một lần	Aomori Olympus Co., Ltd	Nhật Bản	Cái





PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 680/BVK-KD ngày 09/03/2026 của Bệnh viện K)

Công ty cung cấp các hồ sơ, tài liệu sau đây để chứng minh tính hợp lệ của đơn vị cung ứng và tính hợp lệ của thiết bị y tế báo giá:

1. Hồ sơ pháp lý Công ty:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao công chứng).
- Văn bản Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế” đối với TBYT B, C, D và được đăng tải tại <https://imda.moh.gov.vn/van-ban-cong-bo> trong đó có mặt hàng hoặc nhóm hàng đề nghị cung ứng (Trừ thiết bị y tế thuộc loại B, C, D thuộc danh mục thiết bị y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành được mua, bán như các hàng hóa thông thường) (bản sao công chứng nếu có).
- Bản cam kết về chất lượng và tiến độ cung ứng hàng hoá cho Nhà thuốc bệnh viện (theo mẫu Phụ lục 2.1)

2. Hồ sơ kỹ thuật của thiết bị y tế:

2.1. Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa:

2.1.1. Bảng phân loại thiết bị y tế: Việc phân loại thiết bị y tế phải được thực hiện bởi cơ sở phân loại là cơ sở đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc đăng ký lưu hành. Kết quả phân loại thiết bị y tế phải được công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế. (Được sử dụng kết quả phân loại do tổ chức phân loại đã được cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện phân loại thiết bị y tế trước ngày Nghị định 98/2021/NĐ-CP có hiệu lực).

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu / đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).

2.1.2. Hồ sơ lưu hành

a) Đối với thiết bị y tế loại A, loại B: Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B. Thể hiện tại "Công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại A" hoặc "Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B" tại địa chỉ <https://imda.moh.gov.vn>.

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu hoặc đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).

b) Đối với thiết bị y tế loại C, D:

- Số đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế.

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu hoặc đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).



207

2.1.3. Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thiết bị y tế nhập khẩu (Certificate of Free Sale) (đã được hợp pháp hóa lãnh sự và có bản dịch công chứng tiếng Việt) còn hiệu lực (Bản chứng thực)) hoặc Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước (Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu hoặc đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).

2.1.4. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 còn hiệu lực.

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu/đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).

2.1.5. Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu thiết bị y tế công bố áp dụng.

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu/đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).

2.1.6. Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật thiết bị y tế bằng tiếng Việt, kèm theo tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chủ sở hữu thiết bị y tế ban hành.

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu/đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).

2.1.7. Tài liệu hướng dẫn sử dụng của thiết bị y tế (Tiếng Việt).

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu/đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).

2.1.8. Mẫu nhãn sử dụng khi lưu hành tại Việt Nam của thiết bị y tế.

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu/đại diện được chủ sở hữu ủy quyền).

2.1.9. Thông tin về cơ sở bảo hành, điều kiện và thời gian bảo hành, trừ trường hợp thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành.

2.1.10. Hồ sơ kê khai giá (nếu có)

- Có bản kê khai giá theo quy định tại Điều 45, Nghị định 98/2021/NĐ-CP; Khoản 10 Điều 1 Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 45 Nghị định 98/2021/NĐ-CP.

(Bản chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của chủ sở hữu/đại diện được chủ sở hữu ủy quyền và đường link để tra cứu trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (Ví dụ: <https://kekhaigiattbyt.moh.gov.vn/cong-khai-gia/KKG-0491-00045>))

3. Các tài liệu khác

- **Hợp đồng trúng thầu tại các cơ sở y tế công lập (Bản chứng thực).**

+ Quyết định trúng thầu hoặc Hợp đồng trúng thầu tại Cơ sở Y tế công lập thông qua đấu thầu rộng rãi còn hiệu lực ít nhất trong vòng 04 tháng. Trong trường hợp đơn vị báo giá không phải là nhà thầu trúng thầu theo Quyết định hoặc Hợp đồng đã cung cấp phải có Giấy ủy quyền của đơn vị trúng thầu cho phép đơn vị báo giá sử dụng Quyết định hoặc Hợp đồng nêu trên. ✓

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

GIẤY CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện K

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:

Người đại diện:

Điện thoại:

Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện như sau:

1. Về hồ sơ báo giá:

1.1. Thông tin trong hồ sơ báo giá là hoàn toàn chính xác

1.2. Về hồ sơ sản phẩm:

- Các tài liệu cung cấp là chính xác từ chủ sở hữu sản phẩm.

- Tất cả các mặt hàng gửi báo giá đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, hoặc đúng với giấy phép lưu hành/công bố tiêu chuẩn.

- Tất cả các mặt hàng gửi báo giá đều có đủ giấy tờ xác nhận về xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, nước sản xuất, địa chỉ gửi hàng tới Việt Nam, giấy phép lưu hành (nếu có) tại Việt Nam còn hiệu lực.

2. Về cung ứng hàng hóa:

- Cung cấp hàng hóa với chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng ký với Bộ Y tế (Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế) hoặc công bố tiêu chuẩn của chủ sở hữu và đúng với nguồn gốc xuất xứ về hãng sản xuất, nước sản xuất.

- Về hạn dùng: Hạn dùng đúng và do nhà sản xuất ghi trên bao bì, vỉ, lọ, tuýp... không tẩy xóa, in lại. Hạn sử dụng còn lại của thiết bị y tế đã ký hợp đồng tính từ thời điểm thiết bị y tế cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thiết bị y tế có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thiết bị y tế có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thiết bị y tế không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thiết bị y tế phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc quyết định hạn sử dụng còn lại của thiết bị y tế ký hợp đồng tính đến thời điểm thiết bị y tế cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thiết bị y tế cho bệnh nhân.

- Nếu thiết bị y tế đã cung ứng cho nhà thuốc bệnh viện mà có hạn dùng còn lại không đáp ứng theo yêu cầu đã cam kết trên, chúng tôi cam kết đổi lại thiết bị y tế có



hạn dùng đáp ứng quy định. Cam kết thu hồi thiết bị y tế vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thiết bị y tế đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã báo giá và ký hợp đồng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bệnh viện và hoàn trả đầy đủ thiết bị y tế đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện, tương ứng với số lượng thiết bị y tế thiết đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

- Sẵn sàng cung cấp hồ sơ thử nghiệm hiệu quả nếu được yêu cầu.

- Chúng tôi xin cam kết mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện K. Trong trường hợp sản phẩm cung ứng cho nhà thuốc Bệnh viện trong vòng 90 ngày mà không bán được.

3. Cam kết về giá:

Chúng tôi cam kết giá của (các) sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện là giá thống nhất trên toàn bộ thị trường, không cao hơn giá cung cấp cho các Cơ sở y tế khác cùng thời điểm và không cao hơn giá kê khai/kê khai lại (nếu có).

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện!. ✓

Đại diện hợp pháp của Công ty

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)



Phụ lục 3

(Kèm theo Công văn số 680 /BVK-KD ngày 09 tháng 3 năm 2024 của Bệnh viện K)

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Người đại diện/liên hệ:

SĐT liên hệ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bệnh viện K

Công ty xin gửi danh mục và giá bán, các sản phẩm dự kiến cung ứng tại nhà thuốc bệnh viện, cụ thể như sau:

STT tại Phụ lục 1	Thành phần/ TSKT	Tên thương mại	Số tham chiếu (reference number/ REF)	Số đăng ký	Chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Phân loại	Giá niêm yết/ Giá kê khai (nếu có)	Tên đơn vị cung ứng	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Hợp đồng tương tự/Quyết định trúng thầu			
														Số hợp đồng (nếu có)	Hiệu lực hợp đồng (Từ ngày ... đến ngày ...)	Cơ sở y tế ký kết hợp đồng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

Báo giá này có hiệu lực đến ngày:...../...../20....

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

1. Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.

2. Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký.

3. Đề nghị Quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.